

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2025/ HNGĐ - ST

Ngày: 23/09/2025

*“V/v: ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 -NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hà Giang
2. Ông Vũ Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Khánh Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2025/TLST – HNGĐ ngày 03/06/2025 (của TAND huyện Y) về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/08/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/09/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trần Thị A, sinh năm 1992; Căn cước công dân số: 036.192.022.1xx cấp ngày 16/08/2021; địa chỉ cư trú: xóm I, xã K, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* anh Đoàn Văn D, sinh năm 1988. Căn cước công dân số: 307.088.004.8xx cấp ngày 12/08/2021; địa chỉ cư trú: xóm I, xã K, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa có mặt chị A, anh D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/04/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày:*

Chị và anh Đoàn Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký UBND xã K- nay là xã K vào ngày 28/10/2010 Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh D tại xóm I, xã K, tỉnh Ninh Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu là do anh D ghen tuông vô cớ, kiêu căng đánh chửi chị, ngoài ra vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh chửi nhau; mâu thuẫn của vợ chồng chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D không thay đổi; phía gia đình nhà chồng có biết mâu thuẫn nhưng chỉ nói là quyền của vợ chồng. Do đó chị đã sống ly thân với anh D từ đó nhưng vẫn thường xuyên đi về xem vợ chồng có thể hàn gắn được không nhưng không thể hàn gắn được. Đến đầu năm 2025 tôi và anh D đã họp với gia đình chồng, xác định tình cảm không còn nên nhất trí ly hôn và anh D đưa toàn bộ giấy tờ để chị đi làm thủ tục ly hôn tại Tòa án.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định chị và anh D chỉ có hai con chung là cháu Đoàn Thị Minh Thư S ngày 29/05/2012 và cháu Đoàn Quang N sinh ngày 18/01/2014. Hiện cháu N đang do anh D nuôi dưỡng còn cháu T đang do chị nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị đề nghị giao cháu T cho chị và giao cháu N cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con do mỗi bên đều nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn trong vụ án anh Đoàn Văn D:* mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh D không tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; không có ý kiến quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình về tố tụng:*

Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian.

Hội đồng xét xử và người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình về nội dung:

Căn cứ: điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình; căn cứ các điều 144, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử lý hôn giữa chị Trần Thị A và anh Đoàn Văn D.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Anh . Xử chị Trần Thị A được ly hôn với anh Đoàn Văn D.

+ Về con chung: Giao con chung cháu Đoàn Thị Minh Thư S ngày 29/05/2012 cho chị Trần Thị A trực tiếp chăm sóc giáo dục; giao con chung và cháu Đoàn Quang N sinh ngày 18/01/2014 cho anh Đoàn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung thành niên, tự lập; hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trần Thị A và anh Đoàn Văn D không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị A phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị A xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Đoàn Văn D có địa chỉ cư trú tại xóm I, xã K, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình).

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Đoàn Văn D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh D cố tình không đến Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án là vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Đoàn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đoàn Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị A và anh Đoàn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2010 tại UBND xã K, tỉnh Ninh Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị A và anh D sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian dài mới phát sinh mâu thuẫn. Theo chị A thì nguyên nhân chính là chủ yếu là do anh D ghen tuông vô cớ, kiêu căng đánh chửi chị, ngoài ra vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế gia đình; mâu thuẫn của vợ chồng chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D không thay đổi; phía gia đình nhà chồng có biết mâu thuẫn nhưng chỉ nói là quyền của vợ chồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh chửi nhau. Do đó chị đã sống ly thân với anh D từ đó nhưng vẫn thường xuyên đi về xem vợ chồng có thể hàn gắn được không nhưng không thể hàn gắn được. Đến đầu năm 2025 chị và anh D đã họp với gia đình chồng, xác định tình cảm không còn nên nhất trí ly hôn và anh D đưa toàn bộ giấy tờ để chị đi làm thủ tục ly hôn tại Tòa án.

Về phía anh Đoàn Văn D đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, biết chị A có yêu cầu giải quyết việc ly hôn với mình, nhưng không có ý kiến trình bày quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện, không tham gia phiên hoà giải, có ý bỏ mặc tình trạng hôn nhân không quan tâm đến cuộc sống chung.

Tại biên bản xác minh ngày 06/08/2025, xóm trưởng xóm I xã K cung cấp: anh D và chị A kết hôn hợp pháp và về sinh sống tại xóm I, xã K cùng nhà bố mẹ anh D. Vợ chồng anh D chung sống hạnh phúc trên 10 năm mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh D nghi ngờ chị A có quan hệ nam nữ bất chính, từ đó vợ chồng đánh cãi chửi nhau và chị anh đã bỏ về nhà mẹ để sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa, khả năng đoàn tụ là rất khó, việc chị A yêu cầu giải quyết việc ly hôn thì Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết cho các đương sự ly hôn để ổn định cuộc sống và giáo dục con.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh D và chị A do mâu thuẫn gia đình có thời gian sống ly thân từ năm 2022 sau một thời gian ngắn đoàn tụ lại tiếp tục sống ly thân từ đầu năm 2025; chứng tỏ do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu, dẫn đến tình nghĩa vợ chồng không còn quan tâm đến nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A cần chấp nhận, cho chị A được ly hôn với anh Đoàn Văn D là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Anh Đoàn Văn D và chị Trần Thị A có hai con chung là cháu Đoàn Thị Minh Thư S ngày 29/05/2012 và cháu Đoàn Quang N sinh ngày 18/01/2014. Hiện cháu T đang ở cùng chị A và cháu N đang ở cùng anh D

Chị Trần Thị A đề xuất trước khi chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn chị và anh D đã tự thỏa thuận chị nuôi cháu T còn anh D nuôi cháu Nhật

Con chung của hai anh chị là Đoàn Quang N và Đoàn Thị Minh T thuộc

trường hợp phải hỏi ý kiến thì cháu N có quan điểm xin được ở với bố, còn cháu T xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường của các cháu, hạn chế thấp nhất đến việc xáo trộn về tâm sinh lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn, cháu H còn nhỏ lại là con gái cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Do đó về việc nuôi con chung cần giao cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đoàn Thị Minh T; giao cháu Đoàn Quang N cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp và đảm bảo được nguyện vọng và quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Trần Thị A và anh Đoàn Văn D và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị A và anh D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: chị Trần Thị A và anh Đoàn Văn D không đề nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị Trần Thị A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Đoàn Văn D.

2. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Trần Thị A được ly hôn anh Đoàn Văn D.

3. Về con chung: Giao cháu cháu Đoàn Thị Minh Thư S ngày 29/05/2012 cho chị Trần Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Giao cháu Đoàn Quang N sinh ngày 18/01/2014 cho anh Đoàn Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Trần Thị A và anh Đoàn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001215 ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Trần Thị A có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đoàn Văn D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.
- UBND xã K;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh

